TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26/01/2026
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Mến
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 305/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 378/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa:

- **Nguyên đơn**: bà Lâm Thị K, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã V, tỉnh A

- **Bị đơn**: ông Lâm Hớn T, sinh năm 1981 (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: ấp C, xã V, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2025, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Lâm Thị K như sau:**

Vào năm 2003 bà K và ông Lâm Hớn T quen biết, tìm hiểu nhau được gần một năm thì có tình cảm với nhau, ông bà tự nguyện sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng bà sống hạnh phúc được vài năm đầu thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T ham chơi, đi làm tự giữ tiền không đưa tiền cho bà phụ giúp nuôi con mà để một mình bà nuôi con từ khi cưới nhau đến nay, ông T còn có tính ghen tuông vô cớ hay kiếm chuyện chửi và hành hạ bà rất nhiều năm nay, thậm chí ông T còn có hành vi bạo lực gia đình đánh bà nhiều lần vì

thương con mà bà K cố gắng chịu đựng gần 20 năm nay, bà sống với ông T rất khổ và ông T không thay đổi tính tình nên bà không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa nên bà K đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ông T đi làm trên S hai người ly thân từ tháng 01/2024 đến nay, bà K xét thấy không còn tình cảm với ông T nữa nên bà quyết định ly hôn với ông T.

Bà K khai trong quá trình sống chung với ông T có một người con chung tên Lâm Tâm N, sinh ngày 21/12/2004; con đã lớn trưởng thành trên 18 tuổi và đã đi làm có cuộc sống riêng. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ chung vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Lâm Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân bà K yêu cầu ly hôn với ông Lâm Hớn T. Về con chung có một người con tên Lâm Tâm N, sinh ngày 21/12/2004 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung bà K và ông T tự thỏa thuận nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung bà K xác định là không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà K không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

* Đối với bị đơn ông Lâm Hớn T không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng ông T không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa bà Lâm Thị K và ông Lâm Hớn T là quan hệ vợ chồng. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Lâm Thị K yêu cầu ly hôn với ông Lâm Hớn T và bị đơn là ông T có địa chỉ tại ấp C, xã V, tỉnh A nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xác định quan hệ pháp luật "ly hôn" và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Lâm Hớn T với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: năm 2003 bà K và ông Lâm Hớn T quen biết, tìm hiểu nhau được gần một năm thì có tình cảm với nhau, ông bà tự nguyện sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới, tuy nhiên thời gian chung sống với nhau từ năm 2003 đến nay ông bà vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010. Tại phiên tòa, bà K cho rằng do ông T ham chơi, đi làm tự giữ tiền không đưa tiền cho bà phụ giúp nuôi con mà để một mình bà nuôi con từ khi cưới nhau đến nay, ông T còn có tính ghen tuông vô cớ hay kiếm chuyện chửi và hành hạ bà rất nhiều năm nay, thậm chí ông T còn có hành vi bạo lực gia đình đánh bà nhiều lần vì thương con mà bà K cố gắng chịu đựng gần 20 năm nay, bà sống với ông T rất khổ và ông T không thay đổi tính tình nên bà không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa nên bà K đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ông T đi làm trên S hai người ly thân từ tháng 01/2024 đến nay, bà K xét thấy không còn tình cảm với ông T nữa nên bà quyết định ly hôn với ông T. Do hôn nhân của ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của bà K; mà cần áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ giữa bà Lâm Thị K và ông Lâm Hớn T là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà K xác định là bà và ông T có một người con chung tên Lâm Tâm N, sinh ngày 21/12/2004 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX miễn xét.

[4] Về tài sản chung: bà và ông T tự thỏa thuận nên bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét

Về nợ chung: bà K xác định không có nên bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với bị đơn ông Lâm Hớn T, Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy ông T có đăng ký thường trú tại ấp C, xã V, tỉnh An Giang nhưng ông T vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ Điều 175, Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông T theo quy định nhưng ông T vẫn không có mặt không có lý do và ông T cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của

mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà K cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của ông.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân bằng 300.000đồng bà K phải nộp do bà có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 53 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa bà Lâm Thị K và ông Lâm Hớn T là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Lâm Thị K phải nộp án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005347 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, bà K đã nộp xong án phí HNST.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 26/01/2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS khu vực 5 – An Giang;
- THADS;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh